



Clarity[®] Hydraulic Oils AW

Dầu thủy lực chống mài mòn

Bảng dữ liệu sản phẩm

Ưu điểm

Chất lượng hảo hạng

Công thức không tro đạt hoặc vượt yêu cầu của hầu hết các hãng sản xuất bơm thủy lực về độ nhớt, bảo vệ chống gỉ và ăn mòn, bền thủy phân, tách nước, chống tạo bọt và dễ lọc.

Tăng tuổi thọ dầu

Dầu gốc và phụ gia hảo hạng đem lại khả năng kháng ôxi hóa tuyệt hảo, cho phép tăng tuổi thọ dầu dài hơn so với dầu thủy lực chống mài mòn gốc kẽm hoặc dầu thủy lực gốc thực vật.

Bảo vệ thiết bị

Tính năng chống mài mòn tuyệt hảo đem lại sự bảo vệ cho thiết bị. Công thức không tro/không kẽm phù hợp cho các ứng dụng sử dụng bơm pít-tông có các chi tiết được làm từ kim loại màu.

Thân thiện với môi trường

Độ độc tác động rất thấp đối với cá và động vật không xương dựa trên các mẫu nước thử nghiệm. Công thức không tro thuận tiện cho việc tái chế.

Làm việc tốt ở nhiệt độ thấp

Cấp độ nhớt ISO 22 được pha chế đặc biệt đảm bảo dòng chảy nguội tốt và bơm dễ dàng ở nhiệt độ thấp đến -40°C (-40°F).

Không tro/Không kẽm

Phù hợp cho các ứng dụng thủy lực có các chi tiết máy được làm từ kim loại màu, thường thấy trong bơm pít-tông.

Ứng dụng

Clarity[®] Hydraulic Oils AW sử dụng cho hệ thống thủy lực di động hoặc tĩnh tại dùng bơm cánh gạt, bơm pít-tông và bơm bánh răng. Clarity Hydraulic Oils AW cho hiệu năng tuyệt hảo trong các ứng dụng dùng van servo.

Clarity[®] Hydraulic Oils AW (ISO 32, 46, 68) đạt tiêu chuẩn NSF, dầu bôi trơn cho những khu vực chế biến thực phẩm không tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (H2). Chương trình đăng ký tiêu chuẩn NSF cho các hợp chất không phải thực phẩm là một tiếp nối của chương trình chấp thuận và liệt kê danh sách các sản phẩm của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), dựa trên việc đáp ứng các yêu cầu pháp lý về việc sử dụng thích hợp, rà soát thành phần và kiểm tra ghi nhãn sản phẩm.

Clarity[®] Hydraulic Oils AW không tương thích với dầu chứa kẽm hoặc can-xi, vì vậy, khi thay mới cần tuân thủ quy trình xả và súc rửa dầu của nhà sản xuất thiết bị gốc (OEM).

Không sử dụng hệ thống áp lực cao gần lửa, tia lửa điện và bề mặt nóng. Chỉ sử dụng ở khu vực thông thoáng. Giữ bồn chứa dầu luôn kín

Đặc tính sản phẩm:

- Clarity[®] Hydraulic Oils AW được pha chế từ công nghệ dầu gốc hảo hạng và hệ phụ gia không tro ("không kẽm"), nhờ đó đem lại khả năng kháng ôxi hóa, tách nước, tách khí và bảo vệ chống mài mòn, chống gỉ sét, chống ăn mòn tuyệt hảo.

- Clarity[®] Hydraulic Oils AW đạt hoặc vượt yêu cầu của các tiêu chuẩn hiệu năng dầu thủy lực chống mài mòn thông thường, đặc biệt trong các ứng dụng áp lực cao sử dụng bơm pít-tông hướng trục. Sản phẩm chứa phụ gia chống mài mòn đặc biệt phù hợp cho các hệ thống sử dụng bơm pít-tông hướng trục với áp suất có thể vượt hơn 5000 psi. Công thức pha chế không chứa kẽm rất thích hợp cho các hệ thống thủy lực có các chi tiết máy được làm từ kim loại màu.

- Clarity[®] Hydraulic Oils AW được pha chế để đem lại sự bảo vệ tuyệt hảo cho các hệ thống thủy lực di động và tĩnh tại sử dụng bơm pít-tông, bơm cánh gạt hoặc bơm bánh răng trong các ứng dụng hiệu năng cao cũng như thân thiện với môi trường.



Thông số kỹ thuật

CLARITY [®] HYDRAULIC OILS AW CÁC ĐẶC TÍNH CHÍNH					
Cấp độ nhớt ISO	22	32	46	68	100
Mã sản phẩm	520369	520266	520267	520268	520269
Điểm chớp cháy, °C	200	222	224	224	266
Điểm rót chảy, °C	-52	-33	-30	-30	-40
Độ nhớt,					
mm ² /s ở 40°C	22.6	33.6	46.0	64.6	95
mm ² /s ở 100°C	5.3	5.6	6.8	8.5	13.5
Chỉ số độ nhớt (tối thiểu)	180	104	101	102	145

1312

Các tiêu chuẩn hiệu năng

Clarity Hydraulic Oils AW đạt các tiêu chuẩn:

- Denison HF-0, HF-2 tiêu chuẩn thử nghiệm T5D (ISO 32, 46, 68)
- MAG Cincinnati, Cincinnati Machine P68 (ISO 32), P70 (ISO 46), P69 (ISO 68)
- Eaton-Vickers sử dụng cho hệ thống thủy lực M-2950-S (di động) and I-286-S (tĩnh tại). Đạt thử nghiệm bơm Eaton-Vickers 35VQ25. (ISO 32, 46, 68)
- DIN 51502:1990, HLP fluid (ISO 32, 46, 68)
- DIN 51524 (2006-04) Part 2, HLP (ISO 32, 46, 68)
- DIN 51502:1990, HVLP fluid (ISO 22, 100)
- DIN 51524 (2006-04) Part 3, HVLP (ISO 22, 100)
- ASTM D6158 HM (ISO 32, 46, 68)
- ASTM D6158 HV (ISO 22, 100)
- ISO 6743:1999 Part 4, HM fluid (ISO 32, 46, 68)
- ISO 11158:2009, HM (ISO 32, 46, 68)
- ISO 6743: 1999 Part 4, HV fluid (ISO 22, 100)
- ISO 11158:2009, HV (ISO 22, 100)

MÔI TRƯỜNG, SỨC KHỎE và SỰ AN TOÀN

Thông tin về các vấn đề này có trong Phiếu An toàn Hóa chất (MSDS) và Tài liệu hướng dẫn an toàn cho sản phẩm Caltex. Khách hàng nên tham khảo các tài liệu này và tuân thủ các hướng dẫn và quy định của luật pháp về sử dụng và thải bỏ dầu nhớt. Để có Phiếu MSDS hãy vào trang web: www.chevronlubricants.com.

Bảng dữ liệu Sản phẩm này được biên soạn với tinh thần trung thực, căn cứ trên các thông tin tốt nhất có được tại thời điểm phát hành. Mặc dù những số liệu đưa ra trên đây là tiêu biểu nhưng vẫn có thể có sai số nhỏ, không ảnh hưởng đến hiệu năng của sản phẩm. Khách hàng có trách nhiệm sử dụng sản phẩm đúng với các ứng dụng đã chỉ định.

Phát hành bởi:

Chevron Lubricants

- Châu Á Thái Bình Dương